TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tâm và ông Nguyễn Thanh Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhựt L, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ C, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Lê Hồng N, sinh năm: 1990; địa chỉ: tổ C, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Ông L có mặt, bà N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt L trình bày:

Năm 2009, ông L và bà N có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 201/HT, quyển số 01/2009, ngày 20/8/2009 do UBND phường N cấp). Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà N có người đàn ông khác, ông và bà N không sống chung từ 2022 đến nay. Nay tình cảm không còn, ông L xin ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Như N1, sinh ngày 20/01/2010 và Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 21/05/2016. Hiện các con đang sống cùng ông L, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà Lê Hồng N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, nhưng bà N vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không lí do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 BLTTDS năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Năm 2009, ông L và bà N tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố C nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Theo nguyên đơn quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà N tự ý bỏ đi từ năm 2022 đến nay và hiện đã lập gia đình khác. Nay, nhận thấy tình cảm không còn ông L yêu cầu được ly hôn với bà Lê Hồng N, yêu cầu được nuôi dạy con chung (02 con chung tên Nguyễn Như N1, sinh ngày 20/01/2010 và Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 21/05/2016), không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn bà N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng để hòa giải hàn gắn tình cảm, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, cả hai xảy ra mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn, cả hai cũng không thể chủ động hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án bà N không tham gia hòa giải hàn gắn tình cảm. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông L yêu cầu được ly hôn với bà N là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Như N1, sinh ngày 20/01/2010 và Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 21/05/2016. Hiện ông L đang nuôi dạy, yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung Như N1, Bảo N2 có nguyện vọng sống cùng ông L. Xét, để ổn định cuộc sống cho con chung

việc giao con chung cho ông L nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật, nguyện vọng con nên chấp nhận. Công nhận sự tự nguyện của ông L về việc không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung nợ chung không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 201/HT, quyển số 01/2009 ngày 20/8/2009, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông L yêu cầu xin ly hôn bà N, nêu nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không sống chung từ năm 2022 đến nay, hiện nay bà N cũng đã có người đàn ông khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N nhiều lần vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì về việc ly hôn. Từ đó, cho thấy bà N không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc ông L yêu cầu xin ly hôn bà N có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông L và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Như N1, sinh ngày 20/01/2010 và Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 21/05/2016, hiện đang sống cùng ông L. Cháu Như N1 và Bảo N2 có nguyện vọng được cha nuôi dạy. Xét thời gian nuôi dạy cháu Như N1 và Bảo N2, ông L đã đảm bảo đầy đủ về thể chất, tinh thần của cháu, do đó, chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu Như N1 và Bảo N2 cho ông L tiếp tục nuôi dạy đến trưởng thành. Ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của ông L, xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 82 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhựt L

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhựt L được ly hôn với bà Lê Hồng N.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Nhựt L được quyền nuôi dạy 02 con chung tên Nguyễn Như N1, sinh ngày 20/01/2010 và Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 21/05/2016 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Bà Lê Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Nhựt L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Lê Hồng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, hạn chế quyền thăm nom con chung, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Nhựt L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0003454 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, ông Nguyễn Nhựt L không phải nộp thêm án phí.

Bà Lê Hồng N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Nhựt L có quyền kháng cáo Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Hồng N là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát ND Tỉnh AG (1)
- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1)

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc